

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU ĐỨC  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2021

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Huy Xuân.
2. Ông Lê Ngọc Phi.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Ngọc Th, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Anh Trần Thanh H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

*(Chị Th, anh H vắng mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn, chị Trương Thị Ngọc Th trình bày:* Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm thì chị Th và anh Trần Thanh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016. Đến khi có con chung chị Th và anh H mới tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 31-8-2017 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm. Nay, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị Th xin được ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: Chị Th và anh H có 01 người con chung là Trần Thanh Kh, sinh ngày 27-11-2016. Chị Th có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Thanh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy không lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao con chung cho chị Th được quyền nuôi dưỡng; anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Th và anh H sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị Th yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh H là xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Th vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Th và anh H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 31-8-2017 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà

Rịa-Vũng Tàu Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Th nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng lại bất đồng quan điểm nên dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Chị Th và anh H cũng ly thân từ tháng 4-2018 cho đến nay. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị Th, Tòa án đã triệu tập anh H để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng anh H vẫn không đến. Ngoài ra, theo kết quả xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn giữa chị Th và anh H là có thật. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Th được ly hôn với anh H.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét thấy, từ khi chị Th và anh H ly thân thì con chung là cháu Trần Thanh Kh, sinh ngày 27-11-2016 do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Nay, chị Th có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Ngọc Th và anh Trần Thanh H.

2.Về nuôi con chung: Chị Trương Thị Ngọc Th và anh Trần Thanh H có 01 người con chung là Trần Thanh Kh, sinh ngày 27-11-2016;

Giao con chung Trần Thanh Kh, sinh ngày 27-11-2016 cho chị Trương Thị Ngọc Th trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị Trương Thị Ngọc Th không yêu cầu anh Trần Thanh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Chị Trương Thị Ngọc Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0005104 ngày 25 tháng 01 năm 2021; chị Trương Thị Ngọc Th đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Lê Thị Thanh Nga**